

# TMS-1236: Danh sách sản phẩm

## Tài liệu mô tả danh sách sản phẩm trên trang web

### 1. Mô tả tổng quan

Trang danh sách sản phẩm là trang dùng để hiển thị tất cả sản phẩm mẫu nón. Tại đây, người dùng có thể:

- Xem danh sách sản phẩm mẫu nón.
- Tìm kiếm sản phẩm muốn xem.
- Thêm sản phẩm vào danh sách yêu thích.
- Thêm sản phẩm vào giỏ hàng
- Xem chi tiết của sản phẩm.

### 2. Các chức năng và luồng hoạt động

## 2.1 Xem danh sách sản phẩm mẫu nón

- Khi vừa đăng nhập xong/vừa vào trang web và đang ở trên HomePage, để chuyển đến trang danh sách sản phẩm thì người dùng cần click vào option Products trên thanh header.
- Khi vào trang sẽ hiển thị toàn bộ danh sách sản phẩm theo dạng phân trang (paginate), tại đây người dùng có thể click vào từng trang để xem sản phẩm theo mỗi trang
- Mỗi component chứa sản phẩm sẽ bao gồm các thông tin như Tên sản phẩm, Mô tả sản phẩm, button Add to cart, nhóm button chức năng nằm bên phải component ( bao gồm button Add to wishlist và quickview) ,hình ảnh sản phẩm ( nếu sản phẩm có hình thì sẽ hiển thị hình ảnh sản phẩm,nếu không thì hiển thị No Images) và phần label Giá bán sẽ mặc định để text Liên hệ
- Phía dưới trang sản phẩm sẽ có 1 thanh paginate dữ liệu , người dùng có thể chọn số lượng items hiển thị trên 1 trang ở component Filters phía trên trang danh sách ( đang mặc định có 3 option là 30, 50 và 100 items và nếu không chọn thì mặc định paginate 30), lúc này dựa vào sự lựa chọn của user mà số lượng trang dưới thanh paginate sẽ được hiển thị, khi click chọn vào trang nào thì dữ liệu của trang đó sẽ được hiển thị ra.Ví dụ user chọn 50 items, đang có 100 dữ liệu trong database -> thì sẽ hiển thị 2 trang dưới thanh paginate.
- Cách hiển thị của component paginate: Luôn hiển thị trang đầu tiên và trang cuối, nếu chọn trang khác cách trang đầu tiên hơn 2 trang thì sẽ hiển thị dấu ... ( ví dụ: đang có 40 trang và chọn trang thứ 5 thì sẽ hiển thị dạng [1 ... 3 4 5 6 7

... 40]), nhóm trang cố định ở giữa ... và ... sẽ luôn là 5 trang, trường hợp nếu chọn trang cuối cùng thì component hiển thị [ 1 ... 35 36 37 38 39 40], nếu chọn trang 1 thì hiển thị [1 2 3 4 5 ... 40].

- Trên component All Filters có dòng Showing(a)of(b)results : ví dụ dữ liệu tìm kiếm có 5 kết quả, và đang có tổng 10 dữ liệu trong database thì (a) sẽ là 5 và (b) sẽ là 10, kết quả đúng sẽ là Showing 5-of 10 results.

## 2.2 Tìm kiếm sản phẩm

- Có 2 cách:
  - Cách 1: Tìm kiếm trên ô select và ô input trên thanh header
    - Trên thanh header cho phép người dùng tìm kiếm theo danh mục sản phẩm (trong ô select) và tên/mã sản phẩm trên ô input kế bên ô select. Khi chọn dữ liệu trong ô select thì lập tức dữ liệu tương ứng với option đã chọn sẽ được hiển thị ra (Option default cho ô select là Select all, khi không muốn chọn option khác thì chọn option Select all).Đối với input nhập dữ liệu tên/mã sản phẩm thì sau khi nhập xong rồi ấn enter thì trang sẽ hiển thị toàn bộ sản phẩm liên quan đến những gì người dùng nhập, khi không muốn lọc theo giá trị vừa nhập thì click vào button clear kế bên giá trị vừa nhập để trang hiển thị lại dữ liệu ban đầu.
  - Cách 2: Tìm kiếm bằng bộ lọc (Filters)
    - Trên component Filters ( bao gồm các button : All Filters, Text Showing(a)-of(b)results, option Sort by và option Show) khi click vào button All Filters sẽ hiển thị 1 bộ lọc, trong đó

sẽ có lọc dữ liệu theo các nhóm như : Kiểu nón, Chi nhánh, Nguyên phụ liệu, Logo và Thời gian vận chuyển. Chọn dữ liệu muốn lọc bằng cách click chuột vào các checkbox chứa giá trị muốn chọn. Trường hợp các nhóm dữ liệu có nhiều hơn 11 dữ liệu thì sẽ hiển thị thêm text Others, khi click vào sẽ hiển thị component Others, trong component này khi scroll xuống sẽ hiển thị đầy đủ dữ liệu của nhóm dữ liệu đó. Khi muốn xóa tất cả bộ lọc trên component thì click vào button Reset Filters, còn khi muốn xác nhận chọn bộ lọc đó thì click vào button Confirm ( trên modal Others) hoặc button Apply Filters , lúc này trang sẽ tiến hành lọc toàn bộ dữ liệu theo những giá trị đã chọn

- Khi click vào option Sort by thì dữ liệu trên trang sẽ được sắp xếp theo thứ tự đã chọn ( hiện tại có 2 loại cho Sort by là Cũ nhất và Mới nhất, tức là trang sẽ sắp xếp sản phẩm theo Cũ nhất hoặc Mới nhất lên đầu trang)
- Khi click vào option Show thì dữ liệu trên trang sẽ được paginate theo option đã chọn

- Khi tìm kiếm không có bất kì kết quả nào thì hiển thị No results found

## **2.3 Thêm sản phẩm vào danh sách yêu thích**

- Trên mỗi component chứa thông tin sản phẩm ở phía góc tay phải sẽ có nhóm nút chức năng, trên đó có nút Add to wishlist, khi click vào thì sản phẩm đó sẽ được thêm vào Danh sách yêu thích. Khi thêm thành công thì biểu tượng wishlist trên thanh header sẽ được cập nhật số lượng

## 2.4 Xem chi tiết sản phẩm

- Cách 1: Click vào từng component chứa sản phẩm để chuyển sang trang chi tiết sản phẩm (đang ẩn chuyển trang khi click vào sản phẩm do task TMS-1238 chưa xong)
- Cách 2: Trên component Swiper ngay phía dưới thanh header có thể click vào ảnh/tên sản phẩm để chuyển sang trang chi tiết sản phẩm (đang ẩn chuyển trang khi click vào sản phẩm do task TMS-1238 chưa xong)
- Cách 3: Click vào button QuickView trên component chứa sản phẩm để mở ra modal hiển thị chi tiết sản phẩm (đang ẩn chuyển trang khi click vào sản phẩm do task TMS-1238 chưa xong)

## 2.5 Thêm sản phẩm vào giỏ hàng

- Khi chọn button Add to cart trên component chứa sản phẩm thì sản phẩm đó sẽ được thêm vào giỏ hàng, tương tự danh sách yêu thích, lúc này biểu tượng giỏ hàng trên thanh header sẽ được cập nhật số lượng khi thêm mới sản phẩm vào giỏ

## 2.6 Chức năng trở về đầu trang

- Khi lướt trang danh sách xuống dưới sẽ có 1 button scroll to top hiển thị ở góc dưới cùng bên phải của trang, click vào sẽ chuyển về đầu trang
  - Khi lướt xuống dưới trang danh sách thì phần header cũng được giữ lại
-

## 2.7 Swiper

- Khi click vào button sang trái hay phải thì slide chứa sản phẩm sẽ trượt qua và hiển thị sản phẩm trong slide phía trước/ phía sau. Mỗi slide mặc định 3 sản phẩm mà mỗi khi trượt qua trái/phải thì hiển thị thêm 1 sản phẩm mới ( có thể dùng chuột để kéo sang trái/phải). Do đang mặc định hiển thị 5 sản phẩm mới nhất nên khi hiển thị tới sản phẩm cuối cùng hay đầu tiên thì sẽ không kéo qua/click chuyển slide qua trái/phải được nữa. Ví dụ đang có 5 dữ liệu của sản phẩm mới nhất, slide đầu tiên đang có 3 sản phẩm (A, B, C) đầu tiên rồi thì khi click vào button chuyển sang trái thì sẽ không chuyển slide được nữa, khi click chuyển slide sang phải thì slide kế tiếp sẽ hiển thị thêm 1 sản phẩm mới bao gồm B, C, D, click chuyển slide sang phải 1 lần nữa thì hiển thị C,D,E và E là sản phẩm cuối thì click chuyển slide sang phải sẽ không chuyển slide nữa, ngược lại khi slide đang hiển thị sản phẩm cuối thì có thể click/kéo slide sang bên trái để xem lại các sản phẩm trước.
- Mỗi component trên 1 slide sẽ hiển thị: Ảnh 3D của sản phẩm (nếu không có thì hiển thị No Images như danh sách sản phẩm), Danh mục của sản phẩm (nếu có thì sẽ hiển thị), Tên sản phẩm (nếu có) và Mô tả sản phẩm (nếu có)

## 3. API Endpoint

Phương thức	Route	Mô tả
GET	/api/v1/auth/get/products	Lấy danh sách sản phẩm từ database
GET	/api/v1/auth/get/list-hat-styles	Lấy danh sách mẫu nón từ database

Phương thức	Route	Mô tả
GET	/api/v1/auth/get/list-material-styles	Lấy danh sách nguyên phụ liệu từ database
GET	/api/v1/auth/get/list-branch	Lấy danh sách chi nhánh từ database
GET	/api/v1/auth/get/list-logo	Lấy danh sách logo từ database
GET	/api/v1/auth/get/list-delivery	Lấy danh sách mẫu nón từ database
GET	/api/v1/auth/get/list-product-category	Lấy danh sách danh mục của mẫu nón từ database

## 4. Cấu trúc dữ liệu danh sách sản phẩm

### 4.1 Bảng ecom\_summary.product\_patterns\_summary

- Lưu đồng bộ thông tin giữa mẫu nón ở TTD và ecom.

Fields	Ý nghĩa	Mô tả
product_id	ID mẫu nón	ID mẫu nón từ TTD
delivery_time_id	ID thời gian vận chuyển	ID thời gian vận chuyển của mẫu nón
company_branch_id	ID chi nhánh	ID chi nhánh của mẫu nón
material_id	ID nguyên phụ liệu	ID nguyên phụ liệu của mẫu nón
hat_models	Kiểu nón	Kiểu nón của mẫu nón
product_category_id	ID danh mục	ID danh mục của mẫu nón
code	Code mẫu nón	Code của mẫu nón
name	Tên mẫu nón	Tên của mẫu nón
description	Mô tả	Mô tả của mẫu nón
size_id	ID kích thước	ID kích thước của mẫu nón
size_code	Code kích thước	Code của kích thước mẫu nón
size_name	Tên kích thước	Tên của kích thước mẫu nón
logo_id	ID logo	ID logo của mẫu nón

Fields	Ý nghĩa	Mô tả
logo_code	Code logo	Code của logo mẫu nón
logo_name	Tên logo	Tên của logo mẫu nón
color_id	ID màu	ID màu của mẫu nón
color_code	Code màu	Code của màu mẫu nón
color_name	Tên màu	Tên của màu mẫu nón
style_id	ID style	ID style của mẫu nón
style_code	Code style	Code của style mẫu nón
style_name	Tên style	Tên của style mẫu nón
video_path	Đường dẫn video	Đường dẫn video của mẫu nón
image_3d_path	Đường dẫn ảnh 3D	Đường dẫn ảnh 3D của mẫu nón
creator_id	Người tạo	Người tạo mẫu nón
created_at	Ngày tạo	Ngày tạo mẫu nón
updated_at	Ngày cập nhật	Ngày cập nhật mẫu nón

- Note: Hiện tại dữ liệu đã được lấy sẵn từ TTD qua, riêng cột `product_category_id` cần map thủ công từ bảng `product_categories` sang bằng cách lấy id của bảng `product_categories` gắn qua cột `product_category_id` của bảng `product_patterns_summary` từ DB ecom
- Tương tự cột `material_id` ở bảng `product_patterns_summary` cũng map thủ công bằng cách lấy id từ bảng `materials` đưa vào cột `material_id` của bảng `product_patterns_summary` từ DB ecom
- Tương tự cột `delivery_time_id` ở bảng `product_patterns_summary` cũng map thủ công bằng cách lấy id từ bảng `delivery_time` đưa vào cột `delivery_time_id` của bảng `product_patterns_summary` từ DB ecom
- Tương tự cột `hat_models` ở bảng `product_patterns_summary` cũng map thủ công bằng cách lấy id từ bảng `hat_models` đưa vào cột `hat_models` của bảng



product\_patterns\_summary từ DB ecom

- Cột company\_branch\_id ở bảng product\_patterns\_summary được map thủ công bằng cách lấy id của bảng company\_branchs ở DB TTĐ đưa vào cột company\_branch\_id ở bảng product\_patterns\_summary từ DB ecom ( note: A.Tài confirm lấy theo brand nhưng hiện tại đang cho hiển thị theo branch tạm thời tester vẫn test bình thường)
- Tương tự cột size\_id,size\_code,size\_name ở bảng product\_patterns\_summary cũng map thủ công bằng cách lấy id,code,name từ bảng size đưa vào cột size\_id,size\_code,size\_name của bảng product\_patterns\_summary từ DB ecom
- Tương tự cột logo\_id,logo\_code,logo\_name ở bảng product\_patterns\_summary cũng map thủ công bằng cách lấy id,code,name từ bảng logo đưa vào cột logo\_id,logo\_code,logo\_name của bảng product\_patterns\_summary từ DB ecom
- Tương tự cột color\_id,color\_code,color\_name ở bảng product\_patterns\_summary cũng map thủ công bằng cách lấy id,code,name từ bảng colors đưa vào cột color\_id,color\_code,color\_name của bảng product\_patterns\_summary từ DB ecom
- Tương tự cột style\_id,style\_code,style\_name ở bảng product\_patterns\_summary cũng map thủ công bằng cách lấy id,code,name từ bảng style đưa vào cột style\_id,style\_code,style\_name của bảng product\_patterns\_summary từ DB ecom

## 4.2 Bảng ecom.delivery\_time

- Bảng master lưu thông tin thời gian vận chuyển mẫu nón

Fields	Ý nghĩa	Mô tả
<code>code</code>	Code	Code của mỗi khung thời gian vận chuyển
<code>min_days</code>	Ngày ngắn nhất	Ngày giao hàng sớm nhất
<code>max_days</code>	Ngày chậm nhất	Ngày giao hàng chậm nhất
<code>created_at</code>	Ngày tạo	Ngày tạo thời gian vận chuyển
<code>updated_at</code>	Ngày cập nhật	Ngày cập nhật thời gian vận chuyển
<code>deleted_at</code>	Ngày xóa	Ngày xóa thời gian vận chuyển

## 4.3 Bảng `ecom.logo`

- Bảng master lưu thông tin logo của mẫu nón

Fields	Ý nghĩa	Mô tả
<code>code</code>	Code	Code của logo
<code>name</code>	Tên	Tên của logo
<code>created_at</code>	Ngày tạo	Ngày tạo logo
<code>updated_at</code>	Ngày cập nhật	Ngày cập nhật logo
<code>deleted_at</code>	Ngày xóa	Ngày xóa logo

## 4.4 Bảng `ecom.product_categories`

- Bảng master lưu thông tin danh mục của mẫu nón

Fields	Ý nghĩa	Mô tả
<code>code</code>	Code	Code của danh mục
<code>name</code>	Tên	Tên của danh mục
<code>user_id</code>	Người tạo	Người tạo danh mục
<code>created_at</code>	Ngày tạo	Ngày tạo danh mục
<code>updated_at</code>	Ngày cập nhật	Ngày cập nhật danh mục
<code>deleted_at</code>	Ngày xóa	Ngày xóa danh mục

## 4.5 Bảng ecom.hat\_models

- Bảng master lưu thông tin kiểu nón của mẫu nón

Fields	Ý nghĩa	Mô tả
code	Code	Code của kiểu nón
name	Tên	Tên của kiểu nón
created_at	Ngày tạo	Ngày tạo kiểu nón
updated_at	Ngày cập nhật	Ngày cập nhật kiểu nón
deleted_at	Ngày xóa	Ngày xóa kiểu nón

## 4.6 Bảng ecom.size

- Bảng master lưu thông tin kích thước của mẫu nón

Fields	Ý nghĩa	Mô tả
code	Code	Code của kích thước
name	Tên	Tên của kích thước
created_at	Ngày tạo	Ngày tạo kích thước
updated_at	Ngày cập nhật	Ngày cập nhật kích thước
deleted_at	Ngày xóa	Ngày xóa kích thước

## 4.7 Bảng ecom.style

- Bảng master lưu thông tin style của mẫu nón

Fields	Ý nghĩa	Mô tả
code	Code	Code của style
name	Tên	Tên của style
created_at	Ngày tạo	Ngày tạo style
updated_at	Ngày cập nhật	Ngày cập nhật style

Fields	Ý nghĩa	Mô tả
deleted_at	Ngày xóa	Ngày xóa style

## 4.8 Bảng ecom.colors

- Bảng master lưu thông tin màu của mẫu nón

Fields	Ý nghĩa	Mô tả
code	Code	Code của màu
name	Tên	Tên của màu
created_at	Ngày tạo	Ngày tạo màu
updated_at	Ngày cập nhật	Ngày cập nhật màu
deleted_at	Ngày xóa	Ngày xóa màu

# 5. Giao diện danh sách sản phẩm

## 5.1 Danh sách sản phẩm

Fields(EN)	Fields (VI)	Cột DB	Tên DB	Mô tả
Name	Tên sản phẩm	name	ecom_summary.product_patterns_summary	Tên của mẫu nón
Description	Mô tả sản phẩm	description	ecom_summary.product_patterns_summary	Mô tả sản phẩm
Images	Ảnh 3D của mẫu nón	image_3d_path	ecom_summary.product_patterns_summary	Link ảnh 3D của mẫu nón
Showing	Hiển thị	Không có	Không có	Trang hiện tại người dùng đang xem

Fields(EN)	Fields (VI)	Cột DB	Tên DB	Mô tả
results	Kết quả	Không có	Không có	Tổng số trang chứa dữ liệu
Hat styles	Kiểu nón	hat_models	dev_test_data.produc t_pattern_info	Kiểu nón
Branch	Chi nhánh	name	dev_test_auth.compa ny_branch	Chi nhánh
Material	Nguyên phụ liệu	name	dev_test_data.produc t_details	Nguyên phụ liệu
Logo	Nguyên phụ liệu	name	ecom.logo	Logo của mẫu nón
Delivery time	Thời gian vận chuyển	min_days-max_days	ecom.delivery_time	Thời gian giao hàng sớm nhất-Thời gian giao hàng chậm nhất
Select category	Chọn danh mục	name	ecom.product_catego ries	Các loại danh mục của mẫu nón
Search for code/name of items	Tìm kiếm mã/tên sản phẩm	name, code	ecom_summary.prod uct_patterns_summar y	Mã/Tên sản phẩm

## 6. Tóm tắt

- Người dùng có thể xem danh sách sản phẩm, thêm sản phẩm vào danh sách yêu thích, vào giỏ hàng , xem chi tiết sản phẩm và tìm kiếm sản phẩm

## 7. Các chức năng đang tạm ẩn và chưa triển khai

- Chức năng so sánh sản phẩm
- Chức năng lướt xem các sản phẩm trên thanh Swiper ( hiện tại khi click vào ảnh/tên sản phẩm trên component của swiper thì chưa chuyển đến trang chi tiết sản phẩm được do task TMS-1238 của dev-Tuấn chưa lên)

- Các hình ảnh banner trên trang cũng đang được gắn cứng theo template do chưa có xác nhận về ảnh sẽ hiển thị
  - Chức năng chat ( hiện tại chỉ có giao diện cho khung chat và button mở khung chat)
  - Các footer hiện tại cũng đang hiển thị theo template
  - Thanh sidebar bên tay trái sẽ hiển thị các mẫu nón theo từng danh mục của mẫu nón ( hiện tại thanh sidebar này vẫn đang gắn cứng dữ liệu theo template)
  - Chức năng chi tiết sản phẩm (dev-Tuấn) chưa gắn component chi tiết, chưa gắn chuyển sang trang chi tiết khi click vào sản phẩm
- 

## Ref task: #1236, #1237 - Chi

---

Revision #34

Created 27 February 2025 09:35:00 by Guest

Updated 5 May 2025 04:56:29 by Huỳnh Khánh Tuyên